

Số: 4220 /KH-UBND

Hải Phòng, ngày 17 tháng 6 năm 2013

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình của Ban Thường vụ Thành ủy về “một số chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020”

Căn cứ Chương trình số 18-CT/TU ngày 06/12/2012 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Một số chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020”, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Quán triệt sâu sắc Chương trình số 18-CT/TU ngày 06/12/2012 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về ‘một số chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020’; tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các tổ chức và nhân dân trong thực hiện một số chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 trên địa bàn thành phố.

- Cụ thể hóa những nội dung của Chương trình số 18-CT/TU thành Kế hoạch hành động cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố để thực hiện các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của thành phố, từng bước nâng cao đời sống nhân dân.

- Thể hiện đầy đủ, rõ ràng những giải pháp, nhiệm vụ có tính hệ thống, những nhiệm vụ cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện từ nay đến năm 2020. Phân đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu được đề ra tại Chương trình số 18-CT/TU ngày 06/12/2012 của Ban Thường vụ Thành ủy.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; tập trung giải quyết những trường hợp còn tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công đặc biệt là những người tham gia kháng chiến bị phơi nhiễm chất độc da cam/dioxin và những người tham gia bảo vệ Tổ quốc sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

- Đầu tư phát triển cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, chỉnh hình phục hồi chức năng đáp ứng yêu cầu điều trị, phục hồi sức khỏe, hòa nhập cộng đồng cho người có công, đảm bảo cho người có công có cuộc sống vật chất và tinh thần ổn định.

- Huy động các nguồn lực hỗ trợ về nhà ở cho các gia đình người có công; đảm bảo tất cả người có công có khó khăn về nhà ở được hỗ trợ, làm mới, sửa chữa đảm bảo chắc chắn, góp phần ổn định cuộc sống.

- Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công” huy động toàn xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt đời sống vật chất, tinh thần người có công với cách mạng; đảm bảo gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư nơi cư trú.

- Lựa chọn địa điểm và huy động nguồn lực đầu tư xây dựng các nghĩa trang liệt sỹ thành phố có quy mô 2.500 – 3.000 ngôi mộ để quy tập hài cốt liệt sỹ của các địa phương không có điều kiện xây dựng nghĩa trang liệt sỹ riêng; thường xuyên cải tạo, tu bổ nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ của các địa phương và thành phố.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách ưu đãi với người có công tại các địa phương; thực hiện tốt việc tiếp dân, giải quyết không để tồn đọng đơn thư khiếu nại trong lĩnh vực thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng.

2. Thực hiện chính sách lao động, việc làm và dạy nghề

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ tạo việc làm. Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng các khu kinh tế, cụm công nghiệp để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp và dịch vụ. Tạo điều kiện và hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ về mặt bằng, vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh,... để khai thác khả năng giải quyết việc làm. Khuyến khích các hộ nông dân có điều kiện đầu tư cơ sở vật chất hình thành các trang trại có quy mô vừa và nhỏ, tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy, hải sản, tạo nhiều việc làm cho lao động khu vực nông thôn.

- Thực hiện có hiệu quả các Dự án cho vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm, hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, hỗ trợ phát triển thị trường lao động.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về lao động; áp dụng khoa học công nghệ vào quản lý và dự báo nhu cầu lao động.

- Quy hoạch và phát triển hệ thống định hướng nghề nghiệp, hệ thống dịch vụ việc làm. Vận hành tốt Sàn Giao dịch việc làm, mở rộng giao dịch thị trường lao động.

- Xây dựng quan hệ lao động hài hòa trong các doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động thương lượng, thỏa thuận tiền lương, tiền thưởng; chủ động phòng ngừa và giải quyết đình công tập thể của người lao động đúng pháp luật; tăng cường công quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Hải Phòng theo quy định của pháp luật.

- Hoàn thành và công bố quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030;

~~- Phát triển hệ thống dạy nghề đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, nhất là dạy nghề cho lao động nông thôn theo Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 29/12/2011 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường công tác dạy nghề trên địa bàn thành phố đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;~~

- Tổ chức phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông để hình thành cơ cấu đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề hợp lý, tạo sự gắn kết giữa các cơ sở đào tạo, giữa cơ sở đào tạo với người học nghề và đơn vị sử dụng lao động;

- Triển khai thực hiện Đề án đổi mới và phát triển dạy nghề đến năm 2020 để nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo nghề; chú trọng các nghề trọng điểm theo các cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành pháp luật lao động, việc thực hiện pháp luật về dạy nghề, việc triển khai hoạt động dạy nghề trên địa bàn thành phố; hàng năm thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề tại các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề và các trung tâm dạy nghề.

3. Thực hiện chính sách giảm nghèo và bảo trợ xã hội

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015, đến năm 2020 theo Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ. Hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo phát triển kinh tế, đa dạng hoá tạo việc làm thông qua tiếp cận các nguồn lực thị trường nhằm phát triển sản xuất và dịch vụ, tạo việc làm bền vững, tăng thu nhập cho hộ nghèo, người nghèo để thoát nghèo nhanh và bền vững.

- Hỗ trợ liên kết tổ chức đào tạo nghề miễn phí cho lao động nghèo gắn với tạo việc làm, tăng thu nhập, giúp lao động nghèo ở nông thôn, người mất đất ở đô thị có khả năng làm việc không chỉ ở nông thôn mà cả ở đô thị với các nghề công nghiệp, dịch vụ.

- Thực hiện tốt các chính sách cho vay vốn tín dụng ưu đãi gắn với tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất cho hộ nghèo; hỗ trợ các đơn vị cung cấp dịch vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của hộ nghèo.

- Thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án nhất là Chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, dạy nghề; Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Chương trình khuyến nông, lâm, ngư; các chính sách cho vay tín dụng ưu đãi hộ nghèo,...nhằm phát huy hiệu quả các nguồn lực phục vụ giảm nghèo nhanh, bền vững.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo để đảm bảo giảm nghèo bền vững, nhất là các chính sách về hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là con em hộ cận nghèo được vay vốn.

- Đảm bảo các đối tượng yếu thế được hưởng trợ cấp xã hội; tạo điều kiện về giáo dục, dạy nghề, tín dụng, tạo việc làm tăng thu nhập; nâng cao hiệu quả trợ giúp xã hội, tiếp tục mở rộng đối tượng thụ hưởng với hình thức hỗ trợ thích hợp, nâng mức trợ cấp xã hội thường xuyên phù hợp với khả năng ngân sách.

- Cùng cố, nâng cấp hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội, phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật, nhất là mô hình nhà xã hội, nhà dưỡng lão.

- Hoàn thành công trình nâng cấp Trung tâm bảo trợ xã hội. Xây dựng và triển khai dự án đầu tư mở rộng quy mô Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần từ 250 người lên 400 người. Phấn đấu đến năm 2020 xây dựng 1 đến 2 Trung tâm dưỡng lão đạt tiêu chuẩn cao trên địa bàn.

- Triển khai thực hiện các Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 1215/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng giai đoạn 2012-2016; Đề án chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi đến năm 2020; Đề án trợ giúp người khuyết tật đến năm 2020; Kế hoạch hỗ trợ phẫu thuật cho trẻ em bị tim bẩm sinh trên địa bàn; thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia về bảo vệ chăm sóc trẻ em và Chương trình quốc gia về bình đẳng giới.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách và phương thức tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ đột xuất, mở rộng sự tham gia hỗ trợ của cộng đồng, đảm bảo mọi người dân khi bị thiệt hại do gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời.

4. Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội

- Tập trung vận động mở rộng số đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, gồm cả bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện; gắn vận động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc với vận động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

- Kịp thời áp dụng khi có chính sách mới khuyến khích nông dân, lao động trong khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; người sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm trong thực hiện quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo đảm quyền lợi của người lao động. Kiên quyết xử lý tình trạng nợ, trốn bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

- Thực hiện tốt các Quy chế phối hợp giữa Bảo hiểm xã hội thành phố với Tòa án nhân dân thành phố về việc khởi kiện và giải quyết vụ án dân sự đối với đơn vị nợ bảo hiểm xã hội; với Liên đoàn lao động thành phố về việc thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế; với Hội Nông dân thành phố và Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố về triển khai mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện; với Sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố về quy trình chi trợ cấp thất nghiệp.

5. Thực hiện chính sách bảo đảm mức tối thiểu về một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân

5.1. Bảo đảm giáo dục tối thiểu

- Tiếp tục thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án về phát triển giáo dục, đào tạo; mở rộng và tăng cường các chế độ hỗ trợ giáo dục đào tạo, nhất là đối với thanh niên, thiếu niên thuộc hộ nghèo, người ở các huyện nghèo, xã, thôn khó khăn để bảo đảm phổ cập giáo dục bền vững.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TU ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển giáo dục mầm non đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

- Nâng cao chất lượng phổ cập bậc trung học phổ thông, đặc biệt là đối với con em hộ nghèo, và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

5.2. Bảo đảm y tế tối thiểu

- Xây dựng và phát triển hệ thống y tế thành phố ngày một hoàn chỉnh; cơ bản đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân thành phố; giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, từng bước cung cấp đầy đủ các dịch vụ y tế phổ thông và các kỹ thuật y tế chuyên sâu, hiện đại cho nhân dân; góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án về y tế, nhất là đề án khắc phục tình trạng quá tải ở các bệnh viện, đẩy nhanh thực hiện các dự án trọng điểm.

- Cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân ở các tuyến cơ sở, ưu tiên các huyện nghèo, xã nghèo, vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục thực hiện và có chế độ khuyến khích tăng cường bác sỹ cho tuyến xã; đẩy mạnh thực hiện chuẩn quốc gia mới về y tế xã.

- Hoàn thiện việc phân công quản lý các đơn vị thuộc ngành y tế ở địa phương.

- Triển khai thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy tổng kết 7 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về công tác dân số, gia đình và trẻ em trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và thành phố; bỏ khuyết các giải pháp thực hiện đến năm 2015, định hướng đến

năm 2020 tại Thông báo số 97-TB/TU ngày 16 tháng 7 năm 2012 để nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng dân số, can thiệp nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình phòng, chống lao quốc gia, giảm mạnh số người bị mắc bệnh lao và chết do lao. Kiện toàn, nâng cao chất lượng mạng lưới tổ chức cán bộ chống lao từ thành phố đến cơ sở; phát huy năng lực, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan y tế: phòng Y tế, Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế, các cơ sở y tế tư nhân trong việc phát hiện, quản lý và điều trị bệnh nhân lao.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế đối với người tham gia bảo hiểm y tế. Thực hiện nghiêm các chính sách hỗ trợ về y tế đối với các đối tượng chính sách xã hội: Người có công, người nghèo, cận nghèo, người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em dưới 6 tuổi...

- Đổi mới công tác quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế, có chính sách khuyến khích người dân, nhất là người có thu nhập dưới mức trung bình tham gia bảo hiểm y tế.

5.3. Bảo đảm nhà ở tối thiểu

- Cải thiện điều kiện nhà ở cho người nghèo, người có thu nhập thấp ở đô thị, từng bước giải quyết nhu cầu về nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp và học sinh, sinh viên.

- Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình xóa nhà tạm giai đoạn 2013-2020.

- Đổi mới cơ chế hỗ trợ nhà ở cho người thu nhập thấp ở đô thị để có giá thuê, giá mua hợp lý đối với các đối tượng.

- Tập trung khắc phục những khó khăn về đất đai, quy hoạch, vốn, thủ tục, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh doanh tham gia thực hiện các dự án phát triển nhà ở xã hội, có chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở tại các khu, cụm công nghiệp.

5.4. Bảo đảm nước sạch

- Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015 và các năm tiếp theo, ưu tiên cho người dân ở hải đảo, vùng ngập lũ, vùng bị nhiễm mặn.

- Cải thiện cơ bản tình trạng sử dụng nước sinh hoạt của dân cư, đặc biệt là dân cư nông thôn, vùng thiếu nước.

5.5. Bảo đảm thông tin

- Tăng cường thông tin truyền thông đến người dân nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo giai đoạn 2012-2015 và các năm tiếp theo:

- Củng cố và phát triển mạng lưới thông tin cơ sở, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển và hải đảo.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc thực hiện các chương trình, chính sách đối với người có công và bảo đảm an sinh xã hội.

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong chỉ đạo và thực hiện, xác định rõ thực hiện chính sách đối với người có công và phát triển hệ thống an sinh xã hội là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- Nội dung về thực hiện chính sách người có công và an sinh xã hội phải được đưa vào kế hoạch, chương trình công tác, chương trình kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm của chính quyền các cấp ở địa phương.

2. Công tác tuyên truyền

- Các cấp, các ngành, đoàn thể, đơn vị tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 15-NQ/TW, nội dung Chương trình hành động số 18-Ctr/TU của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW tới toàn thể cán bộ, công chức và nhân dân; gắn việc thực hiện Nghị quyết với triển khai nhiệm vụ của ngành, địa phương, đơn vị. Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy tham gia định hướng công tác tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW, Chương trình hành động số 18-Ctr/TU.

- Tổ chức tuyên truyền bằng các hình thức đa dạng, phong phú để nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội đối với sự phát triển bền vững của thành phố, đất nước.

- Tập trung tuyên truyền về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với phát triển an sinh xã hội. Chú trọng tuyên truyền về vai trò của dạy nghề đối với tạo cơ hội làm việc, về hệ thống bảo hiểm xã hội đối với phòng ngừa rủi ro, về trách nhiệm xã hội đối với những đối tượng đặc biệt khó khăn,...

- Tiếp tục nêu cao và phát huy truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, đẩy mạnh các phong trào đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái, chăm sóc, giúp đỡ người có công, người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về chính sách ưu đãi người có công và chính sách an sinh xã hội tại mỗi địa phương để người dân có thể truy cập dễ dàng.

3. Công tác quản lý

- Đổi mới quản lý nhà nước đối với lĩnh vực ưu đãi người có công và an sinh xã hội; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chính sách xã hội.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách bảo đảm tính hệ thống và đồng bộ, đơn giản và hiệu quả; vừa hỗ trợ, vừa khuyến khích nỗ lực vươn lên của các đối tượng thụ hưởng, khắc phục sự ỷ lại vào Nhà nước.

- Thống nhất đầu mối quản lý các chương trình, chính sách theo hướng thành phố quản lý mục tiêu, hỗ trợ nguồn lực, hướng dẫn thực hiện, tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, phổ biến điển hình; các địa phương chịu trách nhiệm quản lý nguồn lực, tổ chức thực hiện; nâng cao năng lực thực thi chính sách của cấp cơ sở.

- Hợp lý hóa, hiện đại hóa công tác quản lý, phương thức chi trả; xây dựng cơ sở dữ liệu hộ gia đình, mã số cá nhân đối tượng xã hội và bộ chỉ số an sinh xã hội để quản lý, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách an sinh xã hội trong từng thời kỳ. Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện công tác an sinh xã hội, trong đó làm rõ kết quả thực hiện chính sách xã hội ở các địa phương nghèo, vùng sâu, vùng xa.

- Tiến hành lập, thường xuyên rà soát, bổ sung quy hoạch các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội: Mạng lưới dạy nghề, các trung tâm giới thiệu việc làm, các cơ sở bảo trợ xã hội, trung tâm công tác xã hội,... theo hướng khuyến khích xã hội phát triển các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nghề công tác xã hội trên địa bàn thành phố cả về 3 nội dung: Đào tạo, trang bị kiến thức về nghề công tác xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ công tác xã hội để đưa công tác xã hội của thành phố trở thành một nghề chuyên nghiệp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Trung ương đảm bảo cơ bản kinh phí để thực hiện các chính sách ưu đãi với người có công với cách mạng, kể cả điều dưỡng, chữa trị, chỉnh hình cho thương bệnh, bệnh binh; hỗ trợ có mục tiêu các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình quốc gia, các công trình ghi công liệt sỹ và một số dự án khác.

2. Thành phố bảo đảm kinh phí trợ giúp thường xuyên các đối tượng bảo trợ xã hội, thực hiện chính sách xã hội và an sinh xã hội trên địa bàn; duy trì hoạt động của các cơ sở bảo trợ xã hội công lập; đối ứng vốn thực hiện những chương trình, dự án được Trung ương hỗ trợ kinh phí. Đầu tư vốn xây dựng các công trình trọng điểm bảo đảm an sinh xã hội của thành phố, nâng cấp các Trung tâm Bảo trợ xã hội, Giáo dục lao động xã hội của thành phố.

- Các cấp, các ngành, địa phương chủ động cân đối, bố trí kinh phí, vận động xã hội hoá thực hiện chính sách xã hội và an sinh xã hội trên địa bàn theo phân-cấp ngân-sách.

3. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân đầu tư xây dựng các công trình, dự án hoạt động trong lĩnh vực an sinh xã hội: Như các cơ sở sản xuất cho người khuyết tật, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, các nhà dưỡng lão,...

- Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, nhất là các hội hoạt động vì mục đích từ thiện nhân đạo để thu hút ngày một nhiều hơn các nguồn lực xã hội hóa để thực hiện các hoạt động trợ giúp xã hội.

4.- Tăng cường hợp tác quốc tế nhất là đối ngoại phi chính phủ để tranh thủ các nguồn tài trợ của các tổ chức và cá nhân cho các hoạt động từ thiện, nhân đạo.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này, các ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các quận huyện phối hợp với các cơ quan liên quan, xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị mình để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Định kỳ hàng năm các đơn vị rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện trong đó nêu rõ việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện trong kỳ kế tiếp.

3. Giao Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, các ngành liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động, định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch hành động, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét, giải quyết cụ thể./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban của TU, HĐND TP;
- VP TU, VP ĐDBQH&HĐND;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- UBND các quận, huyện;
- CPVP;
- Các CV;
- Lưu: VT;

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



PHỤ LỤC CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Kế hoạch số: 420 /KH-UBND, ngày 17 tháng 6 năm 2013 của UBND thành phố

Thực hiện Chương trình số 18-CT/TU ngày 06/12/2012 của Ban Thường vụ Thành ủy về “một số chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020”)

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp thực hiện | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | Nguồn lực thực hiện |
|----|---|-------------------|---|-------------------|----------------------|--|
| I | Thực hiện chính sách ưu đãi người có công | | | | | |
| 1 | Thực hiện Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 sửa đổi bổ sung Pháp lệnh ưu đãi NCC với cách mạng; | Sở Lao động-TB&XH | Bộ CHQS thành phố; Ban Tổ chức TU; Văn phòng UBND TP; Sở Y tế; Thành đoàn TNCS HCM; UBND các quận huyện | năm 2013 | năm 2020 | Kinh phí TW |
| 2 | Pháp lệnh sửa đổi quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng | Sở Lao động-TB&XH | Bộ chỉ huy quân sự; Sở Nội vụ; UBND các quận huyện | năm 2013 | năm 2013 | Kinh phí TW |
| 3 | Xây dựng Đề án hỗ trợ nhà ở cho người có công | Sở Xây dựng | Sở LĐTBXH; Sở Kế hoạch đầu tư; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các quận huyện | năm 2013 | năm 2014 | -Kinh phí TW; ĐP -Xã hội hoá |
| 4 | Đầu tư nâng cấp, sửa chữa cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng Nâng cấp Trung tâm Chính hình - phục hồi chức năng đáp ứng yêu cầu điều trị, phục hồi sức khỏe cho người có công với cách mạng; | Sở Lao động-TB&XH | - Sở KH&ĐT; Sở Tài chính - Các đơn vị liên quan | năm 2013 | năm 2015 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương. |
| 5 | Xây dựng nghĩa trang liệt sỹ thành phố; | Sở Lao động-TB&XH | Văn phòng UBNDTP; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên môi trường; Sở Tài chính; Sở KH&ĐT | năm 2013 | năm 2015 | -Kinh phí TW; ĐP -Xã hội hoá |

| | | | | | | |
|---|--|-------------------|---|----------|----------|--|
| 6 | Hàng năm nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang, mộ liệt sỹ, công trình ghi công liệt sỹ; | Sở Lao động-TB&XH | Văn phòng UBND thành phố; UBND các quận, huyện | năm 2012 | năm 2020 | -Kinh phí TW; ĐP -Xã hội hoá |
| 7 | Xây dựng và triển khai thực hiện Quyết định số 150/QĐ – TTg ngày 14/01/2013 về xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin. | Sở Lao động-TB&XH | Bộ chỉ huy QS thành phố; UBND Các quận, huyện | năm 2013 | năm 2015 | -Kinh phí TW; ĐP -Xã hội hoá |
| 8 | Vận động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước tham gia ủng hộ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp thành phố mỗi năm đạt từ 2 tỷ đồng trở lên; | Sở Lao động-TB&XH | Các thành viên Ban quản lý Quỹ ĐODN - Các quận, huyện | năm 2012 | năm 2020 | Huy động xã hội hoá |
| II Thực hiện chính sách lao động, việc làm, dạy nghề | | | | | | |
| I Tuyên truyền, nâng cao năng lực | | | | | | |
| 1.1 | Nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý lao động. | Sở Lao động-TB&XH | - Sở Tài Chính; - UBND các quận, huyện. | năm 2012 | năm 2020 | - Ngân sách địa phương. |
| 1.2 | Tuyên truyền, phổ biến các luật về Lao động, Việc làm, Tiền lương, Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành, các quy định về việc làm, thị trường lao động. | Sở Lao động-TB&XH | - Sở Tài Chính; BHXH thành phố HP - Các cơ quan truyền thông; Liên đoàn lao động thành phố; VCCI. - UBND các quận, huyện. | năm 2012 | năm 2020 | - Ngân sách địa phương. |
| 2 | Tạo việc làm, Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động | | | | | |
| 2.1 | Đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả công tác cho vay vốn tạo việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm | Sở Lao động-TB&XH | - Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Sở Tài Chính; - UBND các quận, huyện. | năm 2012 | năm 2020 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương. |
| 2.2 | Thực hiện các Dự án của CTMTQC về Việc làm | Sở Lao động-TB&XH | - Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Sở Tài Chính; - UBND các quận, huyện. | năm 2012 | năm 2020 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương. |

| | | | | | | |
|-----|---|-------------------|--|----------|----------|--|
| 2.3 | Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về lao động; Áp dụng khoa học công nghệ vào quản lý và dự báo nhu cầu lao động | Sở Lao động-TB&XH | - Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Sở Tài Chính; - UBND các quận, huyện. | năm 2013 | năm 2020 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương. |
| 2.4 | Quy hoạch và phát triển hệ thống định hướng nghề nghiệp, hệ thống dịch vụ việc làm | Sở Lao động-TB&XH | - Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Sở Tài Chính; - Các Hội, đoàn thể | năm 2013 | năm 2015 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương. |
| 2.5 | Vận hành tốt Sàn Giao dịch việc làm, mở rộng giao dịch thị trường lao động. | Sở Lao động-TB&XH | - Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Sở Tài Chính; | năm 2012 | năm 2020 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương. |
| 3 | <i>Xây dựng môi trường làm việc tốt tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh</i> | | | | | |
| 3.1 | Xây dựng quan hệ lao động hài hòa trong các doanh nghiệp; phòng ngừa và giải quyết đình công tập thể của người lao động | Sở Lao động-TB&XH | - Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Liên đoàn lao động các cấp; - UBND các quận, huyện; - Doanh nghiệp và các cơ quan liên quan. | năm 2012 | năm 2020 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương. |
| 3.2 | Tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động, tập trung kiểm tra những lĩnh vực xuất khẩu lao động, bảo hiểm xã hội, vay vốn tạo việc làm. | Sở Lao động-TB&XH | - Liên đoàn lao động các cấp; - UBND các quận, huyện; - Doanh nghiệp và các cơ quan liên quan. | năm 2012 | năm 2020 | - Ngân sách địa phương. |
| 3.3 | Tăng cường vai trò hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động thương lượng, thỏa thuận tiền lương | Sở Lao động-TB&XH | - Liên đoàn lao động các cấp; - UBND các quận, huyện; - Doanh nghiệp và các cơ quan liên quan. | năm 2012 | năm 2020 | - Ngân sách địa phương. |
| 4 | <i>Dạy nghề</i> | | | | | |
| 4.1 | Xây dựng Đề án "Quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề thành phố Hải Phòng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030" | Sở Lao động-TB&XH | Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan | năm 2012 | năm 2013 | - Ngân sách địa phương. |

| | | | | | | |
|-----|--|-------------------|--|----------|----------|--|
| 4.2 | Thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ | Sở Lao động-TB&XH | Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở NN và PTNT, UBND các quận, huyện và các đơn vị liên quan | Năm 2009 | Năm 2020 | Kinh phí ĐP được phân bổ hàng năm |
| 4.3 | Đầu tư nghề trọng điểm theo Quyết định 826/QĐ-LĐTBXH ngày 7/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Sở Lao động-TB&XH | Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; và các đơn vị liên quan | Năm 2011 | Năm 2015 | Kinh phí TW và ĐP được phân bổ hàng năm |
| III | Thực hiện chính sách giảm nghèo, bảo trợ xã hội | | | | | |
| 1 | Triển khai chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 | Sở Lao động-TB&XH | Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các quận, huyện và các đơn vị liên quan | năm 2012 | năm 2015 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương. |
| 2 | Triển khai kế hoạch phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2011-2020 | Sở Lao động-TB&XH | Sở Tài chính, UBND các quận, huyện và các đơn vị liên quan | năm 2012 | năm 2020 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương. |
| 3 | Triển khai đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 | Sở Lao động-TB&XH | Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện | năm 2013 | năm 2020 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương. |
| 4 | Triển khai đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2012-2020 | Sở Lao động-TB&XH | Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện | năm 2013 | năm 2020 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương. |
| 5 | Triển khai đề án chăm sóc và phát huy Người cao tuổi dựa vào cộng đồng giai đoạn 2012- 2020 | Sở Lao động-TB&XH | Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện | năm 2013 | năm 2020 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương. |
| IV | Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội | | | | | |

| | | | | | | |
|---|--|--------------------|---|----------|----------|---|
| 1 | Phát triển bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | BHXH thành phố | - Sở Lao động- Thương binh và Xã hội; Sở Y tế - Liên đoàn lao động các cấp, VCCI; - UBND các quận, huyện; - Doanh nghiệp và các cơ quan liên quan. | năm 2013 | năm 2020 | -Kinh phí TW; ĐP -KP DN -Xã hội hoá |
| 2 | Kiểm tra, thanh tra xử lý vi phạm trong thực hiện quy định của pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp. | Sở Lao động- TB&XH | - BHXH thành phố; - Doanh nghiệp và các cơ quan liên quan. | năm 2013 | năm 2020 | -Kinh phí ĐP |
| V | Thực hiện một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân | | | | | |
| 1 | Đề án chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng | Sở Lao động- TB&XH | Sở, ngành thành phố, các quận/huyện | năm 2013 | năm 2016 | - Ngân sách địa phương -Xã hội hoá |
| 2 | Kế hoạch hỗ trợ phẫu thuật cho trẻ em bị tim bẩm sinh | Sở Lao động- TB&XH | Sở, ngành thành phố, các quận/huyện | năm 2013 | năm 2015 | - Ngân sách địa phương -Xã hội hoá |
| 3 | Thực hiện các Đề án nhà ở xã hội: người có thu nhập thấp, người cao tuổi, công nhân khu CN, học sinh, sinh viên... | Sở Xây dựng | Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện | năm 2013 | năm 2020 | - Ngân sách TU; ĐP -Xã hội hoá |
| 4 | Thực hiện các Đề án CTMTQG nước sạch và vệ sinh môi trường | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện | năm 2013 | năm 2020 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương |
| 5 | Thực hiện các Dự án xây dựng cơ sở II-Bệnh viện Hữu nghị Việt-Tiệp; Dự án nâng cấp bệnh viện đa khoa quận, huyện theo Quyết định số 47/2008/QĐ-TTg; Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các bệnh viện chuyên khoa lao, tâm thần, chuyên khoa nhi và một số bệnh viện đa khoa tỉnh theo Quyết định số 930/QĐ-TTg | Sở Y tế | Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện | năm 2013 | năm 2020 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương |

| | | | | | | |
|----|--|------------------------------|---|----------|----------|---|
| 6 | Thực hiện các Đề án CTMTQG Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện | năm 2013 | năm 2020 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương |
| 7 | Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 - 2015 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện | năm 2012 | năm 2015 | - Ngân sách Trung ương; - Ngân sách địa phương |
| VI | Thực hiện công tác tuyên truyền | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở Lao động - TB&XH; Sở Tài chính; các cơ quan báo chí; hệ thống thông tin cơ sở | năm 2013 | năm 2020 | -Kinh phí địa phương; - Xã hội hóa |